

Số: 3813/2022/QĐST-HNGĐ

Thành phố Thủ Đức, ngày 28 tháng 9 năm 2022.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 Điều 361 và Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 57, 58, 81 82, 83, 85 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số 2079/2022/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2022, về việc yêu cầu công nhận việc thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

- Bà Trần Thị Bích L, sinh năm 1992

Thường trú: Số nhà 100, Đường H, Tổ H, Khu phố H, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ông Lê Tiến D, sinh năm 1993

Thường trú: Số nhà 22B, Đường 5, Tổ N, Khu phố N, phường P, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án:*

Yêu cầu thuận tình ly hôn là loại việc dân sự, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo qui định tại khoản 2 Điều 29 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự đang cư trú tại thành phố Thủ Đức nên việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 35; điểm a, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] *Về các yêu cầu của đương sự:*

Căn cứ theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, cấp ngày 22/11/2019 tại UBND phường P, quận C (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh thì quan hệ hôn nhân giữa Bà Trần Thị Bích L và Ông Lê Tiến D là hợp pháp.

Căn cứ theo Đơn yêu cầu, các bản tự khai và biên bản hòa giải đoàn tụ không thành có trong hồ sơ, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức nhận thấy:

Quan hệ hôn nhân giữa bà L và ông D là tự nguyện, có đăng ký kết hôn hợp pháp. Trong đời sống vợ chồng, bà L và ông D phát sinh mâu thuẫn đến nay không thể hàn gắn tình cảm, không thể giải quyết hết trách nhiệm giữa vợ chồng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không D được nên cả bà L và ông D tự nguyện thuận tình ly hôn. Tại phiên hòa giải đoàn tụ, bà L và ông D không mong muốn được đoàn tụ vợ chồng, thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận sự thuận tình ly hôn và công nhận sự thỏa thuận của ông, bà:

- Về con chung: Bà Trần Thị Bích L và Ông Lê Tiến D cùng xác nhận có 01 con chung tên là Lê Trần Uyên M, sinh ngày 08/11/2021. Hai bên thỏa thuận: Bà Trần Thị Bích L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên và tự lập hoặc được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Ông Lê Tiến D thực hiện cấp dưỡng nuôi con là 1.200.000 đồng/tháng. Thời gian giao tiền từ ngày 05-15 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 10/2022 trở đi.

- Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Bích L và Ông Lê Tiến D xác nhận không có.

- Về lệ phí: Bà Trần Thị Bích L tự nguyện chịu.

Xét sự nội dung thỏa thuận trên của đương sự là không trái pháp luật và đạo đức xã hội. Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Bích L và Ông Lê Tiến D thuận tình ly hôn. Quyền và nghĩa vụ vợ chồng giữa bà L và ông D theo Giấy chứng nhận kết hôn số 118, cấp ngày 22/11/2019 tại UBND phường P, quận C (nay là thành phố Thủ Đức), Thành phố Hồ Chí Minh được chấm dứt kể từ ngày 28/9/2022.

- Về con chung: Bà Trần Thị Bích L và Ông Lê Tiến D có 01 con chung tên là Lê Trần Uyên M, sinh ngày 08/11/2021.

Giao cho Bà Trần Thị Bích L được quyền trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục con chung cho đến khi con chung thành niên và tự lập hoặc được chấm dứt theo quy định của pháp luật.

- Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Ông Lê Tiến D thực hiện cấp dưỡng nuôi con là 1.200.000 đồng/tháng. Thời gian giao tiền từ ngày 05-15 hàng tháng, bắt đầu thực hiện từ tháng 10/2022 trở đi.

Thi hành dưới sự giám sát của Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Không ai có quyền cản trở việc thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung. Cha, mẹ có nghĩa vụ và quyền ngang nhau, cùng nhau chăm sóc, nuôi dưỡng con chưa thành niên, con đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự hoặc không có khả năng lao động và không có tài sản để tự nuôi mình.

Quyền, nghĩa vụ của cha, mẹ trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung sau khi ly hôn được thực hiện theo quy định tại các điều 81, điều 82, điều 83, điều 84 và điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Về tài sản chung và nợ chung: Bà Trần Thị Bích L và Ông Lê Tiến D xác nhận không có.

2. Về lệ phí Tòa án:

Lệ phí việc hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, Bà Trần Thị Bích L tự nguyện chịu, được trừ vào số tiền lệ phí bà L đã tạm nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0028369 ngày 16/9/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Tp. Thủ Đức;
- UBND P. P, Tp. Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Chi cục THADS Tp. Thủ Đức;
- Lưu VP, hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Lương Thị Thu